

Khai thác nguồn lực Phật giáo Việt Nam dưới góc nhìn triết lý nhập thế

ISSN: 2734-9195 09:15 07/09/2026

Phát huy hiệu quả nguồn lực này chính là cầu nối gắn kết truyền thống với hiện đại, góp phần xây dựng một xã hội hài hòa, nhân ái và giàu bản sắc trong bối cảnh hội nhập.

Tác giả: **Nguyễn Đức Diện**

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Triết học

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Mở đầu: Lịch sử Việt Nam là hành trình không ngừng vươn tới độc lập, tự chủ và tự cường. Du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ III trước Công nguyên, Phật giáo đã đồng hành cùng dân tộc và in đậm dấu ấn trong tín ngưỡng, văn hóa, phong tục, tư tưởng và tình cảm của người Việt.

Triết lý nhập thế của Phật giáo đã thấm sâu vào đời sống cộng đồng một cách tự nhiên. Nhìn nhận nguồn lực Phật giáo từ góc độ triết lý nhập thế không chỉ phát huy giá trị tôn giáo mà còn chuyển hóa thành động lực phát triển đất nước.

Bài viết tập trung khai thác nguồn lực Phật giáo Việt Nam từ góc nhìn triết lý nhập thế trong tiến trình lịch sử Phật giáo và Dân tộc.

Từ khóa: nhập thế, Phật giáo, triết lý, dân tộc, lịch sử...

1. Quan niệm của Phật giáo về nhập thế

Vấn đề “nhập thế” và “xuất thế” trong Phật giáo đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập. Xuất phát từ cách tiếp cận nên mỗi tác giả có quan điểm khác nhau. Theo Từ điển Phật học Hán-Việt, thuật ngữ “nhập” (Ayana) chỉ sự giác ngộ chân lý. Trong Đại thừa nghĩa chương, q.1: “*Chúng hội thì gọi là nhập. Hiểu biết sự vật cũng gọi là nhập. Kinh Vô lượng thọ, q.1: Nhập chúng ngôn âm (Hiểu rõ được ngôn ngữ của đại chúng). Tịnh ảnh số: Nhập tức là giải vậy. Căn cảnh*

thiệt nhập vào nhau mà sinh thức cũng gọi là nhập, như Thập nhị nhập...”

Thuật ngữ “thế” chỉ thế tục, là thứ có thể phá hủy, đọa nhờ sinh diệt, che mất chân lý. Thế còn là tên khác của thời. Theo kinh Lăng Nghiêm: “Thế là dời đổi, quá khứ, vị lai, hiện tại là “thế” (thời)”. Thuật ngữ “xuất thế” chỉ việc đức Như Lai xuất hiện ở đời. Kinh Kim cương Tam muội, q.1: *“Phật dạy: Nay thiện nam nữ, người có thể hỏi về nguyên nhân xuất thế. 1. Muốn giáo hóa chúng sinh, khiến các chúng sinh đó có được cái cầu xuất thế. Đó là một đại sự bất khả tư nghị, 2. Chỉ bậc trí đức kiêm bị, sau khi đã làm xong mọi công việc, đến ẩn dật tu dưỡng ở các chùa chiền, 3. Nhập Niết bàn, vượt ra khỏi thế gian, 4. Chỉ việc xuất ra tu tịnh hạnh. Còn gọi là xuất trần, ly trần hoặc xuất thế ly trần”*.



Ảnh: Minh Nam

Căn cứ vào những luận giải trên, có thể khẳng định: “nhập thế” là hoạt động đồng cảm với nỗi khổ của con người, qua đó giúp chúng sinh giải thoát khổ, trước hết là trong cuộc đời.

Có thể hiểu “nhập thế” là hoạt động ứng dụng tư tưởng của đạo Phật góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, còn “xuất thế” là hoạt động của người thoát ly thế giới trần tục trong không gian nhất định (ẩn dật tu dưỡng ở các chùa chiền, thiền viện) để được giải thoát.

Vậy, “nhập thế” ra đời trong hoàn cảnh nào, theo các tài liệu hiện có cho biết, thời kỳ Phật còn tại thế, tư tưởng nhập thế đã được định hình trong văn hóa Ấn Độ. Khi Phật giáo trở nên phổ biến, tăng đoàn (sangha) ngày càng đông thì chính đức Phật đã khuyến khích mỗi người đi về một hướng để truyền bá đạo lý.

“Cùng với tăng đoàn, Phật cũng đi khắp lưu vực sông Hằng giáo hóa cho mọi người không phân biệt sang hèn, giàu nghèo. Những ai có khả năng xuất gia tu hành và dùi dắt kẻ khác đều được thu nhận vào tăng đoàn. Những người muốn hướng thiện, song còn bận bịu với gia đình và xã hội đều được chấp nhận làm phật tử tại gia. Phật bác bỏ chế độ giai cấp lạ kỳ bất công có nguồn gốc từ kinh điển Bà-la-môn”.

Chủ trương “khuyến khích mỗi người đi về một hướng để truyền bá đạo lý...” cho thấy tư tưởng nhập thế của Phật giáo, phù hợp với mục đích tối thượng là khai sáng cho con người thấy rõ sự thật của cuộc đời và làm cho con người nhận thấy khả năng quý báu nơi chính mình để họ hướng về sự giác ngộ cao đẹp. Thực tiễn đã chứng minh, những cuộc chấn hưng trong lịch sử tôn giáo thế giới nói chung, Phật giáo nói riêng đều có xu hướng đề cao tính tự do, tự tại, không câu nệ vào giáo lý cũng như ngôn ngữ tôn giáo. Nghĩa là, thông qua thực tiễn xã hội, giáo lý Phật giáo dần được mở rộng theo khách quan của cuộc sống.

Như vậy, qua sự phát triển thực tiễn, các tôn giáo chủ động “nhập thế” để phát triển, ngược lại, “nhập thế” cũng làm cho quá trình thế tục hóa diễn ra nhanh hơn. Điều đó cho thấy, “nhập thế” phải đồng thời đáp ứng hai yêu cầu: thứ nhất, giáo lý cần có sự bổ sung, “làm mới” cho phù hợp với quan niệm về thế giới và nhân sinh; thứ hai, Giáo hội Phật giáo mà trực tiếp là các tăng ni, phật tử tích cực tham gia vào những hoạt động “vượt giới hạn tu dưỡng tâm linh truyền thống của Phật giáo”, nhưng vẫn giữ được tinh thần cốt lõi.

Sự ra đời của Phật giáo Đại thừa làm nền tảng phát triển cho các trường phái sau này. Cơ sở hình thành tư tưởng Phật giáo Đại thừa viết: *“Phật giáo Đại thừa ra đời không gì khác hơn là nhằm thích ứng với tinh thần thời đại, luôn thể hiện tính tích cực, phong trào quần chúng và chủ trương đưa Phật pháp về cứu cánh giải thoát”*(5). Nếu Phật giáo Nguyên thủy chủ trương bám sát kinh điển, giữ nghiêm Giáo luật, phật tử chỉ giác ngộ cho riêng mình, mong chứng quả La Hán, thì Phật giáo Đại thừa khoan dung trong việc thực hiện giáo luật, thu nạp rộng rãi tất cả những ai muốn quy y, giác ngộ, giải thoát, thờ nhiều Phật, nhân vật lý tưởng là Bồ tát. Kinh viết: “Tất cả chúng sinh đều có tính Phật” (Nhất thiết chúng sinh câu hữu Phật tính), nghĩa là Phật và chúng sinh có cùng tính Phật, có cùng bản thể, đều có khả năng thành Phật.

2. Triết lý nhập thế của Phật giáo Việt Nam và giá trị thực tiễn

Tư tưởng nhập thế của Phật giáo Việt Nam không tự nhiên xuất hiện, mà là kết quả tất yếu từ lịch sử qua nhiều thế kỷ. Trải qua thời kỳ Bắc thuộc, nước Đại

Việt bước vào thế kỷ XI cần một hệ tư tưởng thống nhất để xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa bên trong, vừa đủ sức chống lại họa xâm lăng từ bên ngoài. Trong bối cảnh đó, Phật giáo sau nhiều thế kỷ thâm nhập và phát triển đã dần khẳng định vị trí trong lòng dân tộc. Phật giáo đang sở hữu nguồn lực vô cùng to lớn (các sư tăng, các ngôi chùa vốn vừa là trung tâm văn hóa, vừa là trường học,...). Triều đình muốn xây dựng đất nước, thu phục nhân tâm phải dựa vào lực lượng xã hội và nguồn tri thức Phật giáo.

Phật giáo nước ta thịnh trị nhất vào thời Lý- Trần. Triều Lý được thành lập thông qua tiến trình chuyển giao hòa bình, Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ) người sáng lập vương triều xuất thân từ cửa thiền. Ông được thiền sư Lý Khánh Văn nuôi dưỡng và được thiền sư Vạn Hạnh giáo dục, rèn luyện về nhiều mặt, trong đó có triết lý từ bi. Sự gắn kết giữa vương quyền (vua) và thần quyền (các thiền sư) đã xóa nhòa ranh giới giữa Đạo và đời. Nhà sư mặc định trở thành chính khách, cố vấn, nhà ngoại giao; còn nhà vua đóng vai trò như một vị cư sĩ, một vị "chuyển luân thánh vương" thực hành phật pháp. Người tu hành không thoát ly khỏi thế giới trần tục (ngồi im nhìn vách đá, ngồi thiền, tụng kinh,...) mà là "ngộ" ngay trong hành động đời thường.



Ảnh: Minh Nam

Thiền sư Vạn Hạnh được phong làm Quốc sư, tham dự vào những quyết sách lớn nhất của triều đình, bao gồm cả việc dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Thiền sư Khuông Việt và Thiền sư Đa Bảo là những nhà ngoại giao xuất sắc, giúp triều đình tiếp đón sứ giả phương Bắc, soạn thảo văn thư ngoại giao, giữ vững thể diện và chủ quyền quốc gia bằng thái độ vừa mềm dẻo vừa kiên định.

Một trong những biểu hiện độc đáo nhất của tinh thần nhập thế thời Lý là việc giải quyết mối quan hệ giữa giới luật "sát sinh" của Phật giáo và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Đối với người học Phật thời Lý, khi đất nước bị xâm lăng, việc cầm vũ khí ra trận không phải là hành vi bạo lực, mà là hành động "Sát sinh để cứu sinh", diệt trừ cái ác để bảo vệ sự sống cho chúng sinh. Tư tưởng nhập thế tích cực này đã hun đúc nên những vị tướng lĩnh, những người lính vừa có lòng từ bi nhưng cũng có lòng quả cảm vô song. Hình ảnh Thái úy Lý Thường Kiệt, một cư sĩ Phật giáo đã chỉ huy cuộc kháng chiến chống Tống oanh liệt, đập tan ý đồ xâm lược của địch. Tư tưởng nhập thế thời Lý đặt nền móng cho một triết lý "Phật pháp tại thế gian,..." của các vương triều sau này.

Kế thừa những thành tựu văn hoá trong đó có Phật giáo do nhà Lý xây dựng hơn 2 thế kỷ, nhà Trần còn khai thác và phát huy hiệu quả nguồn lực Phật giáo trong điều kiện mới. Các vua Trần, trong khi ngưỡng mộ Phật giáo vẫn nhìn thấy dân vừa là cơ sở, vừa là gốc để giải quyết việc đời cũng như việc đạo. Tác giả Lịch sử Phật giáo Việt Nam, viết: *"Tư tưởng thân dân, lấy dân làm gốc, mà sau này chúng ta thấy biểu hiện trong những lời nói của Trần Nhân Tông, của Trần Hưng Đạo, thì đã gặp trong lời quốc sư Trúc Lâm dạy Trần Thái Tông năm 1236"*. Trần Thái Tông là vị vua tiêu biểu của sự kế thừa, vận dụng sức mạnh của tư tưởng "thân dân, lấy dân làm gốc" trong sự nghiệp của mình. Trong Khóa hư lục, Trần Thái Tông viết: *"Phàm người làm vua, lấy ý muốn của thiên hạ làm muốn của mình, lấy lòng của thiên hạ làm lòng của mình"*. Có thể nói, triều Trần, nhà nước phong kiến đã khai thác tối đa nguồn lực Phật giáo: số lượng tín đồ theo Phật, hệ thống chùa rộng khắp, lực lượng sư tăng có trí tuệ, có thể giải quyết một số nhu cầu thời đại đặt ra.

Tác giả Lịch sử tư tưởng Việt Nam, viết: *"Phật giáo là yếu tố quan trọng trong kiến trúc thượng tầng ở Việt Nam từ thế kỷ thứ X đến nửa đầu thế kỷ XIV, đáp ứng được nhu cầu củng cố địa vị của giai cấp phong kiến Việt Nam, đã được giai cấp phong kiến Việt Nam sử dụng để thu phục nhân dân và ổn định trật tự xã hội. Đó cũng là công việc không thể thiếu được trong những bước đi đầu tiên của công cuộc dựng nước và giữ nước"*. Vì thế, khi vua Trần triệu tập hội nghị Diên Hồng, để cùng với các nhà kỳ lão bàn việc chống giặc ngoại xâm đã được quần chúng nhân dân ủng hộ.

Tác giả Lịch sử Phật giáo Việt Nam viết: *“Các nhà thiền học uyên thâm như Thái Tông, Tuệ Trung, Thánh Tông, Nhân Tông, vào lúc vận nước nguy nan, đều trở nên những anh hùng lập nhiều chiến công hiển hách. Có thể nói, tinh thần dân tộc đã thổi một luồng sinh khí mới vào Phật giáo thời Trần”*. Sau ba lần đánh bại quân Nguyên - Mông, tinh thần dân tộc được nâng cao thêm, giúp cho văn hoá nói chung, trong đó có Phật giáo càng phát triển mạnh mẽ.

Trong một số thời kỳ khi Nho giáo chưa mạnh, thì những sư tăng giữ vai trò là những trí thức của thời đại. Không chỉ uyên thâm về Đạo, các bậc cao tăng thời kỳ này còn đóng vai trò trụ cột trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Điều này minh chứng cho nhận định của sử gia Ngô Sĩ Liên: *“Thời đại Lý - Trần, thiên hạ bán vi tăng”*. Dù sống trong một thời đại mà phần lớn nhân dân là tăng ni, phật tử, nhưng họ không rơi vào thái độ lánh đời, chấp chước giáo lý, mà trái lại, luôn sẵn sàng dấn thân vào đại cuộc.

Tinh thần nhập thế đó khẳng định chân lý: Sự nghiệp kiến thiết và bảo vệ quốc gia luôn đòi hỏi sự đồng tâm hiệp lực, kết tinh từ sức mạnh của toàn dân. Trên nền tảng đó, nhà Trần đã phát huy được sức mạnh toàn dân trong công cuộc dựng nước và giữ nước.

Trần Thái Tông không chỉ nhìn thấy vai trò, ảnh hưởng của các Đạo đối với xã hội phong kiến đương thời, mà còn tìm cách chỉ cho mọi người thấy tác dụng của ba đạo ấy. Trong Khoá hư lục, Trần Thái Tông viết: *“Chưa rõ thì chia làm ba giáo, hiểu rồi thì cùng ngộ một tâm”* (Chưa minh người rồi chia ba đạo, biết hết được cùng có một lòng)¹⁰.

Trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá dân tộc, văn hoá Phật giáo, Nho giáo, Trần Thái Tông đã xây dựng được hệ thống lý luận triết học Thiền khá hoàn chỉnh, làm cơ sở cho sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm. Một trong số những đại biểu ấy là Tuệ Trung (1230 - 1291) cùng với Trần Thái Tông, Tuệ Trung đã đặt nền tảng tư tưởng cho sự ra đời của phái Thiền Việt Nam. Sự ra đời của phái thiền Trúc Lâm vừa biểu hiện của ý thức dân tộc, vừa chứng minh cho sự thịnh vượng của văn hoá Đại Việt trong đó có Phật giáo. Những tư tưởng của Tuệ Trung đã góp phần làm cho Phật giáo thời Trần phát triển có sắc thái riêng, khác hẳn Phật giáo Ấn Độ - Trung Hoa.

Trong Hội thảo Tuệ Trung Thượng Sĩ với Thiền tông Việt Nam có nêu: *“Trong khi Trung Quốc cấm cúi lo chuyện kỷ cương tôn ty trật tự ở mặt đất, Ấn Độ mãi ngược nhìn trời suy tư về sắc không và bàn chuyện luân hồi giải thoát, thì Việt Nam mình lo bảo nhau bám chắc lấy hiện tại hôm nay rồi từng bước vững tiến về tương lai - không ngừng tăng cường tinh thần “học tập đội bạn” nhưng tuyệt đối không sao chép, không rập khuôn. Thuyền mình mình lái, đường mình mình*

đi. Sao chép, rập khuôn thường dẫn đến sai lầm hoặc thất bại đau đớn”.

Đỉnh cao của tư tưởng nhập thế thời Trần được đúc kết trọn vẹn trong bài phú Ở đời vui đạo (Cư trần lạc đạo phú) của Phật hoàng Trần Nhân Tông. "Tùy duyên" ở đây không phải là thái độ buông xuôi, phó mặc cho số phận, mà là sự thích ứng một cách chủ động, tích cực với hoàn cảnh thực tại. Phật không ở đâu xa mà ở ngay trong tâm mỗi người (Bụt ở trong nhà). Vì vậy, không cần phải từ bỏ cuộc sống gia đình, không cần trốn chạy nghĩa vụ xã hội mới tu được đạo. Người ta có thể tu hành, đạt đến sự giải thoát ở bất kì cương vị nào.

Kế thừa triết lý nhập thế trong hoàn cảnh mới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã có nhiều hoạt động thiết thực đồng hành cùng dân tộc như cứu trợ thiên tai, giúp đỡ người nghèo gặp nạn, người khó khăn không nơi nương tựa, lễ cầu an, cầu siêu, các hoạt động từ thiện,... Giáo hội góp phần đảm nhận nhiều hơn việc lo nơi ăn chốn ở cho những người vô gia cư, trẻ em nghèo, chăm sóc người già cô đơn và trẻ mồ côi,...



Ảnh: Minh Nam

Ở Việt Nam có nhiều ngôi chùa nhận nuôi các cháu nhỏ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc gia đình nghèo khó. Đại đức Thích Thanh Hòa (xã Đại Cương, Kim Bảng, Hà Nam) cho biết: “Từ năm 1996 đến năm 2006 nhà chùa đã nuôi được 21 em, trong đó có 7 em hiện đang theo học các trường Đại học, Cao đẳng như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Mỹ Thuật Công nghiệp, Cao đẳng Bách Khoa, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Thủy Sản, Đại học An Ninh” 12. Chùa Diệu Pháp (ấp Tân Cang, xã Phước Tân, huyện Long Thành, Đồng Nai) sau gần 30 năm đã nuôi dưỡng hơn 500 mảnh đời bất hạnh để có cuộc sống ổn định. Trong số đó, có 48 người đã tốt nghiệp đại học, đi làm, một người đang học tiến sĩ tại Nhật, một người là thạc sĩ ngoại ngữ... Và còn 46 người đang tiếp tục theo học các trường ĐH – CĐ, trung cấp tại Tp. HCM, Đồng Nai, Thừa Thiên-Huế... Hiện, cơ sở nuôi dưỡng đối tượng xã hội chùa Diệu Pháp đang nuôi dạy 101 đứa trẻ bị bỏ rơi, bệnh hiểm nghèo... và 24 người già cả, tâm thần, neo đơn”.

GHPGVN tích cực tham gia có trách nhiệm trong công cuộc xây dựng đất nước, hướng tới giá trị nhân văn dân tộc và thời đại: Tổ chức đại lễ cầu siêu tưởng niệm anh linh các anh hùng, liệt sỹ hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc trên mặt trận phía Bắc đã diễn ra tại Nghĩa trang liệt sỹ Quốc gia Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, ngày 1/7/2017; Lễ tưởng niệm, cầu siêu anh linh các anh hùng liệt sỹ, chiến sỹ, đồng bào tử nạn nhân kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh Liệt sỹ tại chùa Vĩnh Nghiêm (Q.3, TP.HCM), ngày 23/7/2017; ngày 14/7/2017, Lễ cầu siêu tưởng niệm tri ân anh linh các Anh hùng liệt sỹ hy sinh trong chiến dịch bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị năm 1972,...

Giáo hội hưởng ứng, phát động phong trào “Cởi áo ca sa khoác áo blouse trắng tham gia tuyến đầu phòng, chống dịch Covid-19”, góp phần làm giảm áp lực cho các bệnh viện, trung tâm điều trị Covid-19, GHPGVN đã khuyến khích các chùa, tự viện làm bệnh viện dã chiến, khu cách ly thông qua phong trào “dùng chùa, cơ sở tự viện làm bệnh viện dã chiến, khu cách ly phòng chống dịch COVID-19”; đồng thời đưa các nội dung tuyên truyền, khuyến cáo của Bộ Y tế về dịch Covid-19 thành các chuyên đề kết hợp trong các bài giảng trực tuyến, online, thuyết pháp trên các phương tiện truyền thông; đẩy mạnh việc tuyên truyền trong tín đồ, phật tử, cảnh giác với các thông tin giả, thông tin không chính xác, mê tín dị đoan về dịch bệnh.

3. Kết luận

Triết lý nhập thế của Phật giáo Việt Nam là giác ngộ từ tâm, do tâm, ngay tại thế gian, “Đạo gắn với đời”, không thoát ly thế giới trần tục. Phương châm hoạt động của Phật giáo Việt Nam là đồng hành với vận mệnh dân tộc. Vì vậy, việc khai thác nguồn lực Phật giáo Việt Nam dưới lăng kính triết lý nhập thế không chỉ khẳng định giá trị nhân văn sâu sắc của một tôn giáo luôn đồng hành cùng dân tộc, mà còn mở ra những giải pháp thiết thực cho sự phát triển bền vững của đất nước. Phương châm: “tốt đời đẹp đạo”, “Đạo pháp - Dân tộc và chủ nghĩa xã hội” đã biến các giá trị tâm linh, đạo đức và văn hóa của Phật giáo thành nguồn lực nội sinh mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào công tác an sinh xã hội, giáo dục và bảo vệ môi trường.

Phát huy hiệu quả nguồn lực này chính là cầu nối gắn kết truyền thống với hiện đại, góp phần xây dựng một xã hội hài hòa, nhân ái và giàu bản sắc trong bối cảnh hội nhập.

Tác giả: **Nguyễn Đức Diện**

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Triết học

Tài liệu tham khảo:

[1] Kim Cương Tử (1992), *Từ điển Phật học Hán-Việt, Tập 1, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân viện nghiên cứu Phật học xuất bản, Hà Nội.*

[2] Kim Cương Tử (1994), *Từ điển Phật học Hán-Việt, Tập 2, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân viện nghiên cứu Phật học xuất bản, Hà Nội.*

[3] Thích Thiện Châu (1988), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam.*

[4]. Nguyễn Quang Cư (2014), *Cơ sở hình thành tư tưởng Phật giáo Đại thừa, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 7 (133).* [5] Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.*

[6] Nguyễn Đăng Thục, *Triết lý xuất thế và nhập thế trong thi ca Việt Nam.* <http://newvietart.com/index4.456.html> [7] Nguyễn Huệ Chi (1988), *Thơ văn Lý - Trần, Tập 2, Quyển Thượng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.*

[8] Nguyễn Tài Thư (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.*

[9] Nguyễn Đức Diện (2017), *Sự khác biệt giữa Phật giáo Việt Nam với Phật giáo Ấn Độ và Phật giáo Trung Quốc, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 7.*

[10] Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.*

[11] Tuệ Trung Thượng Sĩ với Thiền tông Việt Nam (1993), *Trung tâm Nghiên cứu Hán-Nôm.*

[12] Đỗ Quang Hưng (2006), *Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, Tạp chí Khoa học xã hội, số 9.* [13] Nguyễn Đức Diện (2016), *Triết lý đạo gắn với đời của Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 3.* [14] <https://thanhnien.vn/thoi-su/phong-su-dieu-tra/ngoi-chua-gan-30-nam-nuoi-day-tre-bi-bo-roi-182868.ht>